TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình

Ông Nguyễn Xuân Chuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2021 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 08/04/1989 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: No. 32-1, X 3rd R, Hukou, H Country, TaiWan.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991 địa chỉ: KDC Trụ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2.Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 15/07/1989 (vắng mặt)

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Nhà số 02, ngõ 75, tổ dân phố T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải 17/03/2021 (có chứng thực của Văn phòng Kinh tế-Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Đ đăng ký kết hôn ngày 02/02/2017 tại UBND xã Đ, thị xã C, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh luôn bất đồng quan điểm. Tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Ngày 20/12/2018, anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó, chị Đ cũng chuyển về nhà ở Bắc Giang sinh sống và cắt đứt liên lạc với anh. Mặc dù được được gia đình hai bên, chính quyền địa phương khuyên bảo nhưng chị Đ không thay đổi, tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh và chị Nguyễn Thị Đ được thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Anh và chị Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Đ còn trình bầy: Do anh lao động tại Đài Loan nên không thể về Việt Nam tham gia được các buổi tiếp cận công khai chứng cứ, các buổi hòa giải, các phiên tòa xét xử giữa anh và chị Nguyễn Thị Đ được**.** Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cho anh được vắng mặt trong các buổi tiếp cận công khai chứng cứ, các buổi hòa giải, các phiên tòa xét xử giữa anh và chị Nguyễn Thị Đ. Đồng thời anh cũng ủy quyền cho em trai là Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991 địa chỉ: KDC Trụ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương) thay mặt anh đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nộp đơn khởi kiện, nộp tiền tạm ứng án phí, nộp các tài liệu, chứng cứ; nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho; nhận bản án, trích lục khi Tòa án xét xử xong vụ ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị Đ.

** Bị đơn là chị Nguyễn Thị Đ tại bản tự khai trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 02/02/2017 tại UBND xã Đ, thị xã C, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Ngày 20/12/2018, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó, chị đã chuyển về nhà ở Bắc Giang sinh sống và cắt đứt liên lạc với anh Đ. Mặc dù được được gia đình hai bên, chính quyền địa phương khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn Đ được thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Chị và anh Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị công việc đi làm rất bận nên chị không thể tham gia được các buổi tiếp cận công khai chứng cứ, các buổi hòa giải, các phiên tòa xét xử giữa chị và anh Nguyễn Văn Đ. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cho chị được vắng mặt trong các buổi tiếp cận công khai chứng cứ, các buổi hòa giải, các phiên tòa xét xử giữa chị và anh Nguyễn Văn Đ.

**Tại phiên tòa sơ thẩm*, anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ đều xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn Đ là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan có đơn xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Đ. Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại nhà số 02, ngõ 75, tổ dân phố T, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị Đ .

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ đăng ký kết hôn ngày 02/02/2017 tại UBND xã Đ, thị xã C, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Ngày 20/12/2018, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó, chị Đ cũng chuyển về nhà ở Bắc Giang sinh sống và cắt đứt liên lạc với anh. Mặc dù được được gia đình hai bên, chính quyền địa phương khuyên bảo nhưng chị Đ không thay đổi, tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được.

Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh và chị Nguyễn Thị Đ được thuận tình ly hôn.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ là hợp pháp. Hiện nay anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ mỗi người sống một nơi, xa

cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc từ năm 2018. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Đ xin ly hôn chị Đ, chị Đ đồng ý. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ. Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

[4]. Về con chung: Anh Đ, chị Đ đều trình bày không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Anh Đ, chị Đ đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000016 ngày 13/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Đ cư trú tại Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Đ, thị xã C;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền